KẾT QUẢ HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC (UNDP)

NCS. Nguyễn Hải Lưu

Bộ Ngoại giao

Trong số 32 quỹ, chương trình và tổ chức chuyên môn thuộc hệ thống phát triển Liên hợp quốc (LHQ), Chương trình Phát triển LHQ (UNDP) là tổ chức viện trợ phát triển lớn nhất hiện nay, có tôn chỉ, mục đích phục vụ phát triển phong phú và đa lĩnh vực nhất, triển khai hoạt động ở 177 quốc gia trên thế giới và hiện diện ở hầu khắp các nước đang phát triển. UNDP có những lợi thế so sánh nổi trội so với các tổ chức LHQ và ngoài LHQ khác như: Có mạng lưới rộng khắp trên toàn cầu, quy chế trung lập; Khả năng quy tụ những chuyên gia giỏi trong lĩnh vực phát triển; Quan hệ đối tác rộng rãi và khả năng chia sẻ thông tin nhanh; Năng lực đề xuất và thực hiện các sáng kiến và chương trình cải cách thí điểm tại một số quốc gia, sau đó nhân rộng ra các thành viên khác; khả năng huy động viện trợ phục vụ phát triển... Ở cấp độ quốc gia, UNDP có những lợi thế so sánh như: Khả năng hỗ trợ kỹ thuật, đặc biệt là các hoạt động như tư vấn chính sách, nghiên cứu hình thành, quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra và đánh giá hiệu quả chương trình, dự án; Khả năng tiếp cận các nguồn lực đa dạng và lồng ghép các vấn đề phát triển vào các chính sách phát triển kinh tế-xã hội của nước sở tại; Khả năng hỗ trợ nước tiếp nhận viện trợ nhận thức và giải quyết một số thách thức mới nảy sinh trong quá trình phát triển bền vững như vấn đề quản lý thiên tai, phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS...

Với tính chất, vai trò và vị thế của mình, UNDP có quan hệ chặt chẽ, rộng khắp với các chính phủ, các tổ chức LHQ, các tổ chức quốc tế và xã hội dân sự và là đối tác được các nước đang phát triển quan tâm, tranh thủ. Từ đầu năm 1990 đến nay, nhiều nước phát triển và đang phát triển đã ứng cử, tham gia Hội đồng Chấp hành UNDP nhiều lần như Mỹ (6 nhiệm kỳ), Trung Quốc (6), Ấn Độ (6), Canada (5), Pakixtan (5), Nga (4), Pháp (4), Cuba (4), Inđônêxia (3), Philippin (2)...

Ở Việt Nam, UNDP là một trong những tổ chức LHQ có mặt sớm nhất (năm 1977) và tích cực hỗ trợ Việt Nam tái thiết hạ tầng kinh tế-xã hội sau chiến tranh. Hơn 35 năm qua, UNDP đã có nhiều đóng góp đối với tiến trình phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, nhất là trên những lĩnh vực như tư vấn chính sách,

hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao kinh nghiệm và nâng cao năng lực. Việt Nam luôn được LHQ nói chung và UNDP nói riêng đánh giá là một trong những quốc gia đi đầu trong hợp tác phát triển, đơn giản hóa và hài hòa hóa các thủ tục viện trợ, cũng như trong thực hiện Sáng kiến Một LHQ nhằm tăng cường tính gắn kết, thống nhất và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan LHQ, đáp ứng ngày một tốt hơn những lợi ích, ưu tiên của Việt Nam ở từng giai đoạn phát triển. Việt Nam đã ứng cử và đảm nhiệm thành công cương vị thành viên Hội đồng Chấp hành UNDP nhiệm kỳ 2000 – 2002 và Phó Chủ tịch Hội đồng Chấp hành năm 2000 và 2001. Chúng ta đã phối hợp với LHQ tổ chức thành công hội nghị quốc tế cấp cao về *"Sáng kiến thống nhất hành động của LHQ: Bài học kinh nghiệm và hướng tới tương lai"* (từ 14-16/6/2010), với sự tham gia của hơn 260 đại biểu đến từ 45 quốc gia, đại diện cấp cao của LHQ, các tổ chức quốc tế, các đoàn ngoại giao tại Việt Nam.

Xuất phát từ mong muốn đóng góp một cách nhìn mới về vị trí, vai trò của UNDP - tổ chức viện trợ phát triển hàng đầu của LHQ hiện nay, đối với tiến trình phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập của Việt Nam, bài viết này sẽ tập trung đánh giá những kết quả, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình hợp tác giữa Việt Nam và UNDP, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ này trong thời gian tới, góp phần triển khai các chủ trương, chính sách của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, trong đó có chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện tốt các công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là tổ chức LHQ.

1. Khái quát về UNDP

Một trong 4 mục tiêu hàng đầu của LHQ từ buổi đầu thành lập (năm 1945) là *"Thực hiện hợp tác quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ và tôn giáo"* (*Điều 3 Hiến chương LHQ*). Trong giai đoạn cuối thập niên 40 và thập niên 50, do thế đối đầu Đông-Tây và nhu cầu ưu tiên nguồn lực giải quyết các vấn đề an ninh, nhân đạo và tái thiết cấp bách sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, LHQ chưa có điều kiện quan tâm, đầu tư thích đáng cho các hoạt động hỗ trợ phát triển. Bước sang thập niên 60, LHQ đã quyết định thành lập Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) trên cơ sở hợp nhất hai cơ quan viện trợ phát triển của LHQ là Chương trình Hỗ trợ Kỹ thuật Mở rộng (thành lập năm 1949) và Quỹ Đặc biệt của LHQ (thành lập năm 1958).

Sự ra đời của UNDP là kết quả thỏa hiệp giữa một bên là các nước đang phát triển mới giành được độc lập đang tăng cường đấu tranh tại LHQ để bảo vệ quyền lợi

thiết thân của mình, và một bên là các nước phát triển phải quan tâm nhiều hơn đến tình hình kinh tế-xã hội ở các nước đang phát triển, qua đó tranh thủ tập hợp lực lượng trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh leo thang. Sự ra đời của UNDP cũng nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của LHQ là hình thành một cơ quan đầu mối để điều phối các hoạt động hợp tác phát triển quốc tế, thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của các quốc gia và ở các khu vực. Trên bình diện tổng thể, điều này phản ánh xu thế khách quan của tình hình quốc tế là cần tăng cường phối hợp chính sách, hành động để giải quyết các vấn đề phát triển cấp thiết như môi trường, y tế, giáo dục, dân số... vượt quá khả năng xử lý của từng nước hay nhóm nước nhất định.

Tôn chỉ, mục đích hoạt động của UNDP là: *(i)* Hỗ trợ các quốc gia thành viên LHQ đạt mục tiêu phát triển con người bền vững, thông qua xoá đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và sinh kế, nâng cao địa vị của phụ nữ, bảo vệ và tái tạo môi trường; *(ii)* Nâng cao sự tự chủ của các nước đang phát triển trong xây dựng, quản lý, điều hành và thực hiện các kế hoạch phát triển; *(iii)* Tăng cường hợp tác quốc tế vì phát triển; *(iv)* Thúc đẩy khả năng quản lý quốc gia, huy động sự tham gia rộng rãi của người dân và khu vực tư nhân.

Về cơ cấu tổ chức: UNDP là cơ quan trực thuộc Đại Hội đồng LHQ, chịu sự giám sát của Đại Hội đồng và Hội đồng Kinh tế-Xã hội (ECOSOC), trong đó Đại Hội đồng quyết định các vấn đề chính sách lớn, ECOSOC ban hành các nguyên tắc, quy chế hoạt động của UNDP. Người đứng đầu UNDP là Tổng Giám đốc (Administrator) do Tổng Thư ký LHQ bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Đây là quan chức cao cấp LHQ đứng thứ ba sau Tổng Thư ký và Phó Tổng Thư ký thứ nhất, và là Chủ tịch của Nhóm Phát triển LHQ (United Nations Development Group[1]). Cơ quan quyền lực cao nhất của UNDP là Hội đồng Chấp hành (Executive Board) gồm 36 nước thành viên phân bổ theo khu vực địa lý (châu Phi – 8 ghế; châu Á - 7; Trung Âu - 4; Mỹ Latinh và Caribê - 5; Tây Âu và các nước khác - 12), có nhiệm kỳ 3 năm. Hội đồng Chấp hành là cơ quan tối cao, xem xét, phê duyệt các chương trình viện trợ cho các nước, khu vực và kiến nghị chính sách, phương hướng hoạt động của UNDP lên Đại Hội đồng và ECOSOC.

UNDP quản lý một số quỹ và chương trình trực thuộc có vai trò hỗ trợ phát triển quan trọng, đa dạng như Chương trình Tình nguyện viên LHQ, Văn phòng Phòng chống Sa mạc hoá và Hạn hán, Quỹ Đầu tư Phát triển LHQ, Quỹ LHQ về Khoa học và Công nghệ phục vụ Phát triển và Quỹ LHQ về Tái tạo Tài nguyên thiên nhiên.

[1] Nhóm Phát triển LHQ (UNDG) được Tổng Thư ký LHQ thành lập vào năm 1997, gồm 32 quỹ, chương trình và tổ chức chuyên môn của LHQ hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến hợp tác phát triển. Sự ra đời của UNDG nhằm mục đích nâng cao hiệu quả, sự điều phối và phối hợp của các tổ chức phát triển LHQ ở phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu. Đây là một trong những cải tổ quan trọng của LHQ trong tổng thể tiến trình cải tổ LHQ từ đầu những năm 90 đến nay.

Ngoài trụ sở chính ở Niu Oóc (Mỹ), UNDP có 5 văn phòng khu vực đặt tại Giơnevơ (Thụy Sỹ), Brúcxen (Bỉ), Côpenhagen (Hà Lan), Tôkyô (Nhật) và Oaxingtơn (Mỹ), và gần 130 văn phòng đại diện ở 177 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng số nhân viên khoảng 7.000 người. Các văn phòng này có Trưởng và Phó Đại diện do UNDP bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Kể từ đầu những năm 80, LHQ quyết định Trưởng Đại diện UNDP kiêm nhiệm vị trí Điều phối viên Thường trú (Resident Coordinator) của hệ thống các tổ chức LHQ ở từng nước.

Về chính sách hoạt động: Trong giai đoạn từ những năm 60 đến những năm 90, UNDP tập trung nghiên cứu thực trạng và hướng sự quan tâm của cộng đồng quốc tế tới nhiều vấn đề xã hội bức xúc như xóa đói giảm nghèo, môi trường, thiên tai, y tế, giáo dục, bình đẳng giới… Hiện nay, chính sách hoạt động của UNDP tập trung vào việc thúc đẩy thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và lấy sự nghiệp phát triển con người bền vững làm trọng tâm. Hòa nhịp với tiến trình cải tổ LHQ, UNDP cũng đang tiến hành cải cách hoạt động theo hướng tinh gọn, tiết kiệm, hiệu quả và minh bạch hơn. Nổi bật nhất là việc triển khai sáng kiến *"Thống nhất hành động của Liên hợp quốc - Một Liên hợp quốc"* (Delivering as One) tại 8 nước đang phát triển thí điểm là Anbani, Cáp Ve, Môdămbích, Pakixtan, Ruanđa, Tandania, Urugoay và Việt Nam; gồm 5 cấu phần chính là xây dựng: *Một kế hoạch chung, Một ngân sách chung, Một bộ quy chế chung về quản lý chương trình, Một lãnh đạo chung và Một ngôi nhà chung.*

Về lĩnh vực hoạt động: Từ chỗ hỗ trợ đa ngành, đa lĩnh vực, hiện nay UNDP tập trung vào 5 lĩnh vực hoạt động chính phù hợp với lợi thế so sánh của UNDP cũng như ưu tiên của đa số các nước tiếp nhận, đó là: quản trị dân chủ; xóa đói giảm nghèo; ngăn ngừa và khắc phục khủng hoảng; năng lượng và môi trường; phòng chống HIV/AIDS.

Về vốn hoạt động: Nguồn vốn của UNDP gồm vốn thường xuyên (core resources), không thường xuyên (non-core resources) và các nguồn viện trợ khác (co-financing/cost-sharing resources). Hàng năm, UNDP quản lý hơn 4 tỷ USD viện trợ; các nước phát triển như Mỹ, Anh, Nhật, Hà Lan, Thụy Điển… và EU là những đối tác đóng góp cho ngân sách của UNDP. Năm 2010, tổng ngân sách hoạt động của UNDP là 4,76 tỷ USD, trong đó: ngân sách dành cho hỗ trợ xóa đói giảm nghèo và thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ chiếm khoảng 28,4%; tiếp đó là quản trị dân chủ (25,8%); ngăn ngừa và khắc phục khủng hoảng (22,1%). Châu Á-Thái Bình Dương là khu vực nhận được nhiều ngân sách hoạt động nhất, tiếp đó là châu Phi, Mỹ Latinh và Caribê, Ảrập, Đông Âu.

Về phương thức viện trợ: Viện trợ của UNDP là viện trợ không hoàn lại, được thực hiện dưới dạng Chương trình Quốc gia (Country Programme) hoặc Khuôn khổ Hợp

tác quốc gia (Country Cooperation Framework) có thời gian 5 năm. Trên cơ sở Chương trình Quốc gia, UNDP phối hợp với chính phủ sở tại xây dựng các chương trình, dự án hợp tác cụ thể trong từng thời kỳ. Phương thức tiếp cận để thực hiện các chương trình quốc gia của UNDP trước năm 2000 là tiếp cận bằng các dự án, nhưng kể từ năm 2000 đến nay, UNDP chuyển sang phương thức tiếp cận bằng các chương trình để liên thông hiệu quả hơn với các ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội của nước tiếp nhận. Thay vì tự điều hành toàn bộ công việc của chương trình, dự án như thời kỳ những năm 90, hiện nay UNDP chuyển hẳn sang phương thức quốc gia điều hành (NEX) nhằm tăng cường năng lực quốc gia, quyền làm chủ của nước tiếp nhận viện trợ, từ đó nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các chương trình, dự án hợp tác.

2. Kết quả hợp tác giữa Việt Nam và UNDP thời gian qua

Việt Nam ký Hiệp định hợp tác với UNDP ngày 21 tháng 3 năm 1978. Từ đó đến nay, UNDP đã thực hiện cho Việt Nam 7 chương trình viện trợ với tổng số vốn khoảng 560 triệu USD. Nhìn chung, ngân sách cam kết của UNDP có xu hướng tăng qua các năm: Tài khóa I (1977-1981): 49 triệu USD; Tài khóa II (1982-1986): 64,9 triệu USD; Tài khóa III (1987-1991): 83,5 triệu USD; Tài khóa IV (1992-1996): 65 triệu USD; Tài khóa V (1997-2000): 65 triệu USD; Tài khóa VI (2001-2005): 68,5 triệu USD; Tài khóa VII (2006-2010): 78 triệu USD.

2.1. Các lĩnh vực hợp tác qua các giai đoạn

a. Từ năm 1978-1986: Hỗ trợ tái thiết đất nước và chuyển giao công nghệ

Các dự án của UNDP trong giai đoạn này chủ yếu tập trung vào hỗ trợ khôi phục và tăng năng lực sản xuất của các ngành công nghiệp, đặc biệt là đẩy mạnh sản xuất hàng hoá thiết yếu phục vụ đời sống của người dân Việt Nam. Các dự án này thường có tỷ trọng lớn về thiết bị (chiếm tới 50-70% tổng ngân sách dự án) như các dự án: phục hồi nhà máy điện Thủ Đức, nhà máy dệt và nhà máy đường ở thành phố Hồ Chí Minh, sửa chữa các đầu máy diezel, nâng cấp trang thiết bị dịch vụ mặt đất cho các sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Quy Nhơn... UNDP cũng tiến hành chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật thông qua xây dựng và nâng cao năng lực cho các viện nghiên cứu và quy hoạch nông nghiệp của Việt Nam (như Viện Khoa học Nông nghiệp, Viện Phân bón và Thổ nhưỡng...); cải tiến các giống cây trồng và vật nuôi; nâng cao chất lượng các sản phẩm công nghiệp...

b. Từ năm 1986-2000: Hỗ trợ tiến trình đổi mới và mở cửa

UNDP đã hỗ trợ Việt Nam đánh giá và xây dựng quy hoạch phát triển một số vùng lãnh thổ và ngành kinh tế như: Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng; Quy hoạch tổng thể ngành

du lịch và hàng không dân dụng; Báo cáo tổng quan ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, giáo dục. Năm 1993, tại Hội nghị Các nhà viện trợ đầu tiên cho Việt Nam tổ chức tại Pari (Pháp), Việt Nam đã đề nghị các tổ chức LHQ, đặc biệt là UNDP, điều phối các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của cộng đồng viện trợ cho Việt Nam. Từ tháng 4/1995, theo yêu cầu của chính phủ Việt Nam, UNDP tổ chức và chủ trì Diễn đàn Các nhà viện trợ cho Việt Nam (CG). Từ đó đến nay, Diễn đàn này đã được tổ chức hàng năm tại Việt Nam, góp phần tăng cường sự hiểu biết và huy động hỗ trợ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam, nhất là về xoá đói giảm nghèo, cải cách tài chính công, nâng cao hiệu quả sử dụng ODA, cải cách hành chính, luật pháp, thương mại... Về hợp tác khu vực, UNDP đã hỗ trợ Việt Nam đàm phán, tiến tới ký kết Hiệp định về Hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công và thành lập Uỷ hội sông Mê Công năm 1995.

c. Từ năm 2000 đến nay: Thúc đẩy cải cách thể chế, xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững

Giai đoạn 2001-2005, UNDP hỗ trợ Việt Nam trên 08 lĩnh vực ưu tiên là: hỗ trợ hội nhập kinh tế quốc tế; tạo môi trường thuận lợi phát triển doanh nghiệp; xóa đói giảm nghèo; bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; tăng cường năng lực nhằm đầu tư bền vững cho phát triển; tăng cường hệ thống pháp luật; thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính công của Việt Nam.

Trong giai đoạn này, UNDP đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng nhiều văn bản chính sách quan trọng như: Chiến lược phát triển Kinh tế-Xã hội 2001–2010, Chiến lược về Tăng trưởng và Xoá đói giảm nghèo năm 2002, Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010 và Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020; tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm và tư vấn hỗ trợ việc xây dựng hệ thống cơ sở pháp luật kinh tế như Luật Doanh nghiệp, Luật Ngân sách, Luật Thương mại, Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Đầu tư chung... UNDP hỗ trợ tăng cường năng lực cho nhiều cơ quan trung ương như Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Bộ Tư pháp, Toà án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Nội vụ... và nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Giai đoạn 2006-2010, LHQ và Chính phủ Việt Nam đã lần lượt thông qua Khuôn khổ Hỗ trợ Phát triển LHQ cho Việt Nam (UNDAF), Văn kiện Chương trình Quốc gia (CPD) hợp tác với UNDP, Kế hoạch Hành động thực hiện Chương trình Quốc gia (CPAP). Viện trợ của UNDP tập trung vào các mục tiêu: Nâng cao chất lượng tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo; Tăng cường quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ; các chủ đề liên ngành và lĩnh vực tiềm năng để xây dựng chương trình chung với các tổ

chức khác của LHQ như tăng cường năng lực thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ ở tỉnh Kon Tum, phòng chống dịch cúm gia cầm, ứng phó với HIV/AIDS, các vấn đề về thanh niên và bình đẳng giới.

Trong giai đoạn này, để thực hiện chủ trương cải tổ LHQ theo hướng thống nhất và phối hợp hiệu quả hơn, UNDP đã cùng 13 tổ chức LHQ khác ở Việt Nam[2] tham gia Kế hoạch chung hợp tác Việt Nam-LHQ giai đoạn 2006-2010 trong khuôn khổ Sáng kiến Một LHQ, với 5 mục tiêu chính là: *(i)* Các chính sách, kế hoạch và luật pháp phát triển kinh tế xã hội hỗ trợ sự tăng trưởng bình đẳng hơn và mang lại lợi ich cho nhiều đối tượng dân cư hơn, phù hợp với các giá trị và mục tiêu của Tuyên bố Thiên niên kỷ và các công ước, thỏa thuận quốc tế có liên quan; *(ii)* Phổ cập các dịch vụ xã hội và bảo trợ xã hội có chất lượng; *(iii)* Việt Nam có những chính sách và năng lực bảo vệ môi trường và quản lý hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa nhằm giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống; *(iv)* Hệ thống quản trị dân chủ dựa trên các nguyên tắc cơ bản, đó là trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, sự tham gia và công bằng, cũng như phù hợp với nền dân chủ và nhà nước pháp quyền; *(v)* Việt Nam có những chính sách và năng lực phù hợp nhằm giảm thiểu có hiệu quả nguy cơ và mức độ dễ bị tổn thương do thiên tai, các bệnh truyền nhiễm và các tình trạng khẩn cấp.

Tính đến năm 2012, số lượng dự án UNDP đang triển khai tại Việt Nam là 28 dự án, phân bổ trên nhiều lĩnh vực và địa bàn hoạt động đa dạng, có quan hệ đối tác với nhiều bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương. UNDP cũng phối hợp với các tổ chức LHQ khác triển khai 3 chương trình chung nhằm giải quyết các thách thức về phát triển của Việt Nam, cụ thể là: *(i)* Chương trình Phối hợp về tăng cường năng lực xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản ở Kon Tum, giai đoạn 2007-2011 (tham gia cùng UNICEF, UNFPA; ngân sách 5,5 triệu USD); *(ii)* Chương trình phối hợp về dịch cúm gia cầm và cúm người, giai đoạn 2005-2010 (tham gia cùng FAO, UNICEF, WHO; ngân sách 24,6 triệu USD); *(iii)* Chương trình phối hợp về bình đẳng giới, giai đoạn 2009-2011 (tham gia cùng FAO, ILO, IOM[3], UNAIDS, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNIDO, UNIFEM, UNODC, WHO; ngân sách 4,7 triệu USD).

[2] Chương trình Nông nghiệp và Lương thực của LHQ (FAO); Quỹ Phát triển Nông nghiệp của LHQ (IFAD); Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO); Chương trình phối hợp của LHQ về phòng, chống HIV/AIDS (UNAIDS); Quỹ Phát triển dành cho phụ nữ của LHQ (UNIFEM); Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF); Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học LHQ (UNESCO); Chương trình Định cư con người của LHQ (UN-HABITAT); Chương trình Phát triển Công nghiệp của LHQ (UNIDO); Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (UNODC); Quỹ Dân số LHQ (UNFPA); Chương trình Tình nguyện viên LHQ (UNV); Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

[3] Tổ chức Di cư Quốc tế.

2.2. Đánh giá hiệu quả và những bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong việc thu hút và sử dụng hỗ trợ của UNDP

Trải qua hơn 35 năm hợp tác, nhìn chung các chương trình viện trợ của UNDP cho Việt Nam được cả UNDP và Chính phủ Việt Nam đánh giá là thực hiện tốt, có hiệu quả. Tại điện chúc mừng nhân dịp kỷ niệm 25 năm quan hệ hợp tác Việt Nam - UNDP, Tổng Thư ký LHQ Kôfi Annan nhấn mạnh: "*Trong một phần tư thế kỷ qua, mối quan hệ đối tác của chúng ta đã trở nên sâu đậm hơn, rộng mở hơn và đơm hoa kết trái, trong quá trình đất nước Việt Nam chuyển từ chiến tranh sang hoà bình, từ chia cắt sang thống nhất, từ bị cô lập sang hoà nhập. Việt Nam đã sử dụng có hiệu quả quy chế trung lập của UNDP trong từng giai đoạn chuyển tiếp mang tính lịch sử này*". Trong dịp thăm chính thức Việt Nam (tháng 10/2010), Tổng Thư ký LHQ Ban Kimun đánh giá Việt Nam là một trong những điển hình thành công trong việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và triển khai Sáng kiến Một LHQ.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 25 năm quan hệ hợp tác Việt Nam-UNDP (ngày 24/9/2003), Phó Thủ tướng Vũ Khoan nhận định: "*Sự hỗ trợ của UNDP trong 25 năm qua phù hợp với các ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam, được sử dụng có hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Ý thức làm chủ của quốc gia là nhân tố cốt yếu nhất đưa đến sự thành công của mối quan hệ hợp tác này; ý thức đó phải được thể hiện ở sự làm chủ của quốc gia trong việc đề ra chiến lược phát triển kinh tế-xã hội cho chính mình cũng như trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế*". Trong các dịp tiếp xúc với Lãnh đạo LHQ, Lãnh đạo cấp cao của ta đều khẳng định Việt Nam luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò, đóng góp của các tổ chức thuộc hệ thống phát triển LHQ, trong đó có UNDP.

Trong số 16 tổ chức thuộc hệ thống phát triển LHQ đang hoạt động tại Việt Nam, UNDP hiện là tổ chức có ngân sách viện trợ không hoàn lại, số lượng nhân viên, số dự án/chương trình đang triển khai và số đối tác (các bộ, ngành, địa phương của Việt Nam) lớn nhất. Là Điều phối viên thường trú của LHQ tại Việt Nam, UNDP chịu trách nhiệm phối hợp chính sách và hoạt động của các tổ chức phát triển LHQ trong khuôn khổ Sáng kiến Một LHQ và đại diện cho các tổ chức này trong quan hệ với Chính phủ Việt Nam và cộng đồng các nhà viện trợ quốc tế. Với bề dày kinh nghiệm, tri thức quản lý và điều hành, UNDP đã và đang tích cực đồng viện trợ nhiều dự án với các tổ chức phát triển LHQ khác nhau, phù hợp với lợi thế so sánh của mình. Nhiều dự án/chương trình hợp tác của UNDP triển khai với nhiều bộ, ngành và địa phương của Việt Nam mang lại hiệu quả tích cực, trên các lĩnh vực đa dạng như các dự án về: Bảo tồn đa dạng sinh học; Tẩy rửa chất độc điôxin; Trợ giúp pháp lý và bảo vệ các quyền của công dân; Ứng phó với biến đổi khí hậu; Phát triển bền vững; Chính sách

tài chính công; Năng lực giám sát tài chính của các cơ quan dân cử; Chính sách đối với người thiểu số; Quyền năng của phụ nữ... Việc Chính phủ Việt Nam và UNDP áp dụng phương thức quốc gia điều hành (NEX) đã có nhiều tác dụng như: Đảm bảo quyền sở hữu dự án, tính chủ động của các cơ quan tiếp nhận dự án, đồng thời phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm, sự phối hợp của các bên tham gia dự án gồm; Làm cho các thủ tục quản lý dự án do UNDP quy định gần hơn với các quy định của Chính phủ; Đơn giản hóa các thủ tục trong các khâu quản lý dự án, đặc biệt là quản lý tài chính; Tăng cường trách nhiệm báo cáo của các cơ quan tiếp nhận dự án, đồng thời tăng cường chất lượng giám sát, theo dõi thực hiện dự án của UNDP và các cơ quan quản lý viện trợ của Chính phủ.

So với nguồn ODA giải ngân ở Việt Nam các năm, ngân sách viện trợ của UNDP chỉ chiếm tỷ trọng rất khiêm tốn, bằng chưa đầy 0,6% (giai đoạn 2006-2010). Tuy nhiên, nguồn viện trợ của UNDP có những lợi thế so sánh riêng như: Tính chất không hoàn lại nên không phát sinh gánh nặng nợ nần; Hỗ trợ đa ngành, đa lĩnh vực phát triển; hướng đến các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, người nghèo, người nhiễm HIV/AIDS...); Phổ cập kinh nghiệm phát triển của cộng đồng quốc tế... Do vậy, việc tiếp tục thu hút, phân bổ và sử dụng có hiệu quả hỗ trợ của UNDP là rất cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, quá trình hợp tác giữa Việt Nam và UNDP còn tồn tại một số vấn đề như: tình trạng chồng chéo, phân tán trong phân bổ nguồn viện trợ vẫn xảy ra, gây lãng phí và thiếu hiệu quả; công tác thẩm tra, thanh tra, giám sát chất lượng và hiệu quả dự án còn hạn chế; thời gian xây dựng một số văn bản dự án còn kéo dài, gây lãng phí và chậm tiến độ. Các cơ quan tiếp nhận dự án gặp nhiều khó khăn trong giải ngân viện trợ do thiếu năng lực quản lý và đội ngũ cán bộ chuyên trách. Nhiều dự án mới chỉ triển khai ở cấp trung ương, chưa về địa phương nên hiệu quả chưa thực sự bền vững và sâu rộng. Các cơ quan tổng hợp về quản lý và điều phối viện trợ còn hạn chế về năng lực thẩm định, đánh giá dự án. Khâu đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng kết quả của các dự án chưa được coi trọng đúng mức. Sự phối hợp, chia sẻ thông tin sau khi kết thúc dự án giữa các bộ, ngành và địa phương còn rời rạc. Chất lượng đội ngũ chuyên gia quốc tế do UNDP thuê tuyển cho một số dự án chưa cao...

Từ quá trình thu hút và sử dụng nguồn viện trợ của UNDP trong thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, viện trợ của các tổ chức quốc tế, trong đó có UNDP, tuy đóng vai trò quan trọng về vốn, tri thức, công nghệ..., nhưng đó chỉ là nguồn lực bổ sung, không thể thay thế các nguồn lực trong nước. Để phát triển

bền vững và hội nhập quốc tế thành công, vấn đề có ý nghĩa tiên quyết là cần phát huy nội lực, nâng cao năng lực tự chủ trong thu hút và sử dụng ngoại lực, tạo nên những nguồn lực tổng thể phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, để tận dụng tối đa những lợi thế so sánh của UNDP, cần có những định hướng và giải pháp phù hợp, hiệu quả trong việc sử dụng nguồn viện trợ từ UNDP trên từng lĩnh vực và cho từng giai đoạn. Cần chú trọng thẩm định và đánh giá kỹ lưỡng tính khả thi, hiệu quả viện trợ trong quá trình xây dựng, phê duyệt và triển khai các chương trình, dự án hợp tác.

Ba là, cần tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương, giữa các cơ quan trong nước với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để có cách tiếp cận thống nhất trong huy động và sử dụng viện trợ của UNDP, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Bốn là, cần tiếp tục hoàn thiện các thể chế pháp lý về quản lý ODA theo hướng đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục viện trợ.

Năm là, cần chú trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong nước có đủ năng lực làm việc với các tổ chức phát triển của LHQ, trong đó có UNDP.

2.3. Phương hướng hợp tác giữa Việt Nam và UNDP trong thời gian tới

Ngày 27/3/2012, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư (thay mặt Chính phủ Việt Nam) và Điều phối viên thường trú LHQ tại Việt Nam (thay mặt 17 tổ chức LHQ[4]) đã ký kết Kế hoạch chung Việt Nam-LHQ giai đoạn 2012-2016, được soạn thảo trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của LHQ cũng như phù hợp với Chiến lược phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2020 và Kế hoạch phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2015. Ba lĩnh vực ưu tiên cơ bản của Kế hoạch chung này là: Đảm bảo tăng trưởng công bằng, bền vững và cho tất cả mọi người; Tiếp cận bảo trợ xã hội và các dịch vụ thiết yếu có chất lượng; Thúc đẩy quản trị nhà nước và phát huy sự tham gia của người dân.

Để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch Chung, dự kiến UNDP sẽ hỗ trợ 140,36 triệu USD trong giai đoạn 2012-2016 (chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng ngân sách của Kế hoạch Chung; gần 30%), trong đó nguồn vốn thường xuyên là 60 triệu USD, nguồn vốn phải huy động là hơn 80 triệu USD. Các lĩnh vực UNDP sẽ tập trung hỗ trợ là: Nghiên cứu và tư vấn chính sách để triển khai Chiến lược phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2020 của Việt Nam; Thúc đẩy tăng trưởng xanh để

[4] Chương trình Nông nghiệp và Lương thực của LHQ (FAO); Quỹ Phát triển Nông nghiệp của LHQ (IFAD); Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO); Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM); Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC); Chương trình phối hợp của LHQ về phòng, chống HIV/AIDS (UNAIDS); Chương trình Phát triển LHQ (UNDP); Chương trình Môi trường LHQ (UNEP); Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của LHQ (UNESCO); Quỹ Dân số LHQ (UNFPA); Chương trình Định cư con người của LHQ (UN-HABITAT); Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF); Chương trình Phát triển Công nghiệp của LHQ (UNIDO); Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (UNODC); Chương trình Tình nguyện viên LHQ (UNV); Tổ chức Phụ nữ LHQ (UN Women); Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

ứng phó với biến đổi khí hậu và các thách thức môi trường; Nâng cao năng lực của các cơ quan công quyền; Lồng ghép các vấn đề phát triển con người (bình đẳng giới, dân tộc...) vào tiến trình phát triển kinh tế-xã hội; Xây dựng Chiến lược Bảo trợ Xã hội; Hỗ trợ cải cách tư pháp và cải cách hành chính.

3. Kiến nghị định hướng và những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và UNDP trong thời gian tới

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra mục tiêu tổng quát của đất nước ta là phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị-xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. Để thực hiện mục tiêu này, Việt Nam chủ trương: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững; Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền kinh tế, độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Về đối ngoại, Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Trong thời gian tới, việc củng cố và tăng cường quan hệ giữa Việt Nam với LHQ nói chung và hệ thống phát triển LHQ nói riêng phải nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát cũng như đường lối đối ngoại của đất nước nói trên. Trên cơ sở đó, định hướng hợp tác của Việt Nam với UNDP trong thời gian tới cần tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, UNDP là tổ chức viện trợ phát triển hàng đầu trong hệ thống phát triển LHQ, có vị thế, bề dày kinh nghiệm, tri thức và mạng lưới quan hệ đối tác toàn cầu rộng rãi. Tôn chỉ, mục đích và hoạt động của UNDP qua các thời kỳ về cơ bản phù hợp với lợi ích của các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, sau hơn 35 năm hoạt động, UNDP đã và đang có nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình và đang đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh của UNDP, nhất là về khả năng, kinh nghiệm tư vấn chính sách, kỹ thuật..., cần và có thể được khai thác và phát huy hơn nữa.

Thứ hai, chúng ta cần tiếp tục coi trọng, tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt với UNDP, đặc biệt trên những lĩnh vực UNDP có thế mạnh và tiếng nói như: Điều phối công việc của các tổ chức LHQ; Triển khai Sáng kiến Một LHQ; Thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ; Tư vấn chính sách phục vụ phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó với những tác động tiêu cực của kinh tế-tài chính thế giới; Hỗ trợ kỹ thuật nhằm giải quyết tác động của biến đổi khí hậu, quản lý bền vững nguồn nước sông Mê Công...

Cụ thể, một số nhóm giải pháp cần được triển khai là:

3.1. Nhóm giải pháp về chính sách chung

- Quán triệt quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, theo đó cần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước, từ đó có những chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển quan hệ với các tổ chức thuộc hệ thống phát triển LHQ, trong đó có UNDP, tương xứng với vai trò, chức năng và khả năng đóng góp của các tổ chức này trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam.

- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đặc biệt trong những lĩnh vực mà cộng đồng tài trợ quốc tế đặc biệt quan tâm như tăng trưởng gắn với an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách về thu nhập và xã hội; hoàn thiện môi trường đầu tư, tạo ra sân chơi bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế; quản lý tài chính công một cách minh bạch; cải cách hành chính; chống tham nhũng...

- Phân bổ, định hướng nguồn viện trợ từ hệ thống phát triển LHQ cần được thực hiện một cách phù hợp trong sự kết hợp hài hòa với các nguồn viện trợ đa phương khác để đáp ứng các yêu cầu phát triển ưu tiên theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương.

- Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức phát triển LHQ trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng tổ chức cũng như những ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội và danh mục dự án đầu tư vận động ODA trong từng thời kỳ, tránh để xảy ra tình trạng phân bổ nguồn viện trợ phát triển một cách trùng lặp, dàn trải, thiếu hiệu quả.

- Tích cực đóng góp vào các sáng kiến, biện pháp cải tổ hoạt động của các tổ chức phát triển LHQ trên bình diện quốc tế cũng như tại Việt Nam, theo tinh thần Tuyên bố chung của Diễn đàn cấp cao về Hài hòa thủ tục tại Rôma, Italia (tháng 2/2003), Tuyên bố chung Pari về Hiệu quả viện trợ (tháng 3/2005), Cam kết Hà Nội về Tăng cường hiệu quả viện trợ (tháng 6/2005), trên các lĩnh vực chính là tinh thần làm chủ, hài hòa hóa và tinh giản hóa, quản lý hiệu quả, và trách nhiệm chung.

- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm hợp tác với các tổ chức LHQ, trong đó có việc định kỳ tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành hữu quan của Việt Nam, các cơ quan LHQ, giới học giả và cộng đồng tài trợ quốc tế để trao đổi, đề xuất các chính sách, biện pháp nâng cao hiệu quả hợp tác.

3.2. Nhóm giải pháp tăng cường thu hút viện trợ của UNDP

- Theo dõi sát, nắm bắt và dự báo kịp thời về chiến lược, kế hoạch hoạt động và định hướng cải tổ của UNDP trong từng thời kỳ, từ đó hoạch định các chính sách, giải pháp phù hợp trong hợp tác với UNDP.

- Tăng cường quan hệ với lãnh đạo các tổ chức LHQ, Văn phòng đại diện UNDP tại Việt Nam và tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

- Chuẩn bị kỹ để có thể thuyết phục, bảo vệ thành công các dự án, chương trình đề xuất viện trợ của UNDP.

3.3. Nhóm giải pháp cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng viện trợ

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách về quản lý ODA để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc xây dựng, triển khai các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức phát triển LHQ thời gian tới.

- Tiếp tục kiện toàn các quy định, thủ tục liên quan đến việc quản lý nguồn viện trợ đa phương từ các tổ chức phát triển LHQ viện trợ, đặc biệt là hoàn thiện phương thức Quốc gia Điều hành (NEX).

- Tiếp tục nâng cao tính độc lập, tự chủ của các cơ quan phía Việt Nam trong quá trình thu hút và sử dụng viện trợ, từ khâu nghiên cứu chính sách đến tổ chức thực hiện.

- Chú trọng công tác theo dõi, giám sát để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của các chương trình, dự án hợp tác.

3.4. Nhóm giải pháp tăng cường tổ chức và nâng cao năng lực trong quản lý và sử dụng viện trợ

- Tiếp tục kiện toàn và thống nhất quản lý Nhà nước về tiếp nhận và sử dụng các nguồn viện trợ đa phương, tạo cơ chế một cửa trong quản lý, tránh chồng chéo và trùng lặp trong triển khai.

- Chú trọng nâng cao năng lực, phát triển thể chế và khả năng tiếp nhận, chủ trì thực hiện chương trình, dự án của các cơ quan đối tác phía Việt Nam.

- Chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ tham gia các dự án có sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, bảo đảm tuyển dụng và sử dụng cán bộ có đủ năng lực làm việc cho các Ban Quản lý dự án.

3.5. Nhóm giải pháp tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Việt Nam đối với cộng đồng tài trợ quốc tế

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về những chính sách, ưu tiên phát triển kinh tế-

xã hội, thành tựu xoá đói giảm nghèo, tiến bộ xã hội... của Việt Nam; Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, đặc biệt tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế đa phương.

- Phân bổ, sử dụng có hiệu quả Quỹ Ngoại giao phục vụ kinh tế để thúc đẩy công tác tuyên truyền đối ngoại tại các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài.

- Đăng cai tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về các chủ đề liên quan đến hợp tác phát triển nhằm tăng cường vị thế, vận động sự ủng hộ của cộng đồng tài trợ quốc tế.

3.6. Nhóm giải pháp tham gia vào cơ chế hoạch định chính sách của các tổ chức phát triển LHQ

- Có lộ trình, chính sách vận động, ứng cử vào Hội đồng Chấp hành của các tổ chức lớn trong hệ thống phát triển LHQ như UNDP, UNICEF, UNFPA, FAO..., qua đó tác động vào khâu hoạch định chính sách, triển khai hoạt động của các tổ chức này theo hướng có lợi cho Việt Nam và các nước đang phát triển khác. Hiện nay, Việt Nam đang ứng cử đồng thời vào ba cơ quan lớn của LHQ là Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014-2016; Hội đồng Kinh tế-Xã hội (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018 và Hội đồng Bảo an LHQ nhiệm kỳ 2020-2021. Nếu ứng cử thành công vào các cơ quan này, Việt Nam sẽ có thêm điều kiện hết sức thuận lợi để vận động tham gia các tổ chức phát triển LHQ trong các nhiệm kỳ tới đây.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, nhất là cán bộ làm công tác ngoại giao đa phương về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán và thương lượng… để đủ năng lực hoạt động tại các diễn đàn đa phương, tổ chức quốc tế.

- Từng bước đưa cán bộ của Việt Nam vào làm việc tại các tổ chức phát triển LHQ và UNDP để học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, và tranh thủ thúc đẩy nguồn viện trợ phát triển cho đất nước; có chính sách khuyến khích, đãi ngộ xứng đáng cho các cán bộ này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. *Kế hoạch chung hợp tác Việt Nam – Liên hợp quốc 2006-2010*, Chính phủ Việt Nam và các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam, Hà Nội, 2012.

2. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

3. Ngô Doãn Vịnh (Chủ biên), *Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

4. Lê Hoài Trung (Chủ nhiệm đề tài), *Tăng cường vai trò và vị thế của Việt Nam tại Liên hợp quốc và Phong trào Không liên kết góp phần triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 2011.

5. Võ Văn Đức (Chủ biên): *Huy động và sử dụng các nguồn lực chủ yếu nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

6. *Kế hoạch chung hợp tác Việt Nam – Liên hợp quốc 2006-2010*, Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, Hà Nội, 2008.

7. *Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình quốc gia 2006-2010*, Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, Hà Nội, 2008.

8. Đinh Quý Độ (Chủ biên), *Vấn đề cải tổ Liên hợp quốc trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.

9. Lê Hoài Trung (Chủ nhiệm đề tài), *Hệ thống phát triển Liên hợp quốc và quan hệ với Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 2006.

10. *Văn kiện Chương trình Quốc gia của UNDP tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2006-2010)*, Ban Chấp hành Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, 2006.

11. *Việt Nam hướng tới năm 2010*, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Viện Chiến lược Phát triển, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

12. *Khuôn khổ Hỗ trợ Phát triển của Liên Hợp Quốc cho nước CHXHCN Việt Nam giai đoạn 2006-2010*, Chính phủ Việt Nam và các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam, Hà Nội, 2005.

13. Vụ Các Tổ chức Quốc tế (Bộ Ngoại giao), *Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

14. *Hiệp định khung về hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và UNDP*, Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, Hà Nội, 1978.

Tiếng nước ngoài:

15. United Nations Development Programme: *2010 Results – Helping empower lives and build resilience in Asia-Pacific*, 2011.

16. United Nations Development Programme, United Nations Pupulation Fund and United Nations Children's Fund: *Common Country Programme Document for the period 2012-2016, Viet Nam*, 2011.

17. United Nations Development Programme: *UNDP in Action – Annual Report 2010/2011*.

18. Philip M. Parker: *United Nations Development Program – Webster's timeline history 1932-2007*, ICON Group International Inc., California, 2009.

19. United Nations Development Programme: *UNDP strategic plan, 2008-2011 – Accelerating global progress on human development*, 2007.

20. Craig N. Murphy: *The United Nations Development Programme – A better way?*, Cambridge University Press, 2006.